

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2012
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAM RÔNG

(Kèm theo Quyết định số 78 /2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: nghìn

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	<u>XÃ ĐÀ K' NÀNG</u>	
	Khu vực I	
*	Độc theo Quốc lộ 27:	
1	Từ đèo Phú Mỹ đến giáp cổng Vinacaphê (giáp T 334, TBĐ 16).	110
2	Từ cổng Vinacaphê (T 334, TBĐ 16) đến hết cây xăng bà Nguyễn (giáp T434, TBĐ 16).	300
3	Từ giáp cây xăng bà Nguyễn (T 434, TBĐ 16) đến giáp xã Phi Liêng.	250
*	Đường đi Đạ K' Nàng:	
1	Từ giáp Quốc lộ 27 đến hết nhà ông Trứ (hết T 199, TBĐ 21).	145
2	Từ giáp nhà ông Trứ (giáp T 199, TBĐ 21) đến hết ngã ba xuống nhà ông Hoàng (hết T 184, TBĐ 25).	70
3	Từ giáp ngã ba xuống nhà ông Hoàng (giáp T 184, TBĐ 25) đến giáp ngã ba đường vào khu Di Linh.	75
4	Từ ngã ba đường vào khu Di Linh đến giáp cổng Đạ Mul.	90
5	Từ cổng Đạ Mul đến giáp cầu Đạ K' Nàng.	190
6	Từ cầu Đạ K' Nàng đến hết nhà bà Nhâm (hết T 311, TBĐ 30).	170
7	Từ giáp nhà bà Nhâm (giáp T 311, TBĐ 30) đến giáp cổng Đạ Pin.	70
8	Từ ngã ba đường vào Thác Nếp đến hết trường THCS.	110
	Khu vực II	
1	Từ giáp ngã ba Lăng Tô (giáp T 262, TBĐ 17) đến giáp nhà ông Tinh (giáp T44, TBĐ 12).	65
2	Từ nhà ông Tinh (T 44, TBĐ12) đến hết nhà ông Tuyên (hết T03, TBĐ 2).	50

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	Từ nhà ông Ha Thương (T 63, TĐĐ 31) đến hết nhà ông Ha Juân (hết T464, TĐĐ 30).	60
4	Từ giáp nhà ông Ha Juân (giáp T 464, TĐĐ 30) đến hết nhà ông Ha Brông.	45
5	Từ giáp trường THCS đến hết công K'Đai.	80
6	Từ giáp công K'Đai đến Thác Nếp.	60
7	Từ ngã ba trường Tiểu học Lăng Tô (T 211, TĐĐ 16) đến hết nhà ông Hải (hết T165, TĐĐ 16).	60
8	Từ giáp đường đi Đạ K'Nàng (giáp T 236, TĐĐ 16) đi khu 75 đến hết nhà ông Đoàn (T 250, TĐĐ 16).	65
9	Từ giáp nhà ông Đoàn (giáp T 250, TĐĐ 16) đến hết nhà ông K'Huàng (hết T258, TĐĐ 16).	45
10	Từ giáp đường đi Đạ K'Nàng (T364, TĐĐ16) đi hết đường nhựa Thái Bình.	55
11	Từ nhà ông Luận (T 33, TĐĐ 21) đến hết nhà bà Giáo (hết T 34, TĐĐ 22).	55
12	Từ giáp đường đi Đạ K'Nàng (giáp T 512, TĐĐ 27) đến giáp cầu 200.	75
13	Từ T 249, TĐĐ 27 (thuộc nông trường cà phê) đến hết T 88, TĐĐ 27 (thuộc nông trường cà phê).	45
	Khu vực III	30
II	<u>XÃ PHI LIÊNG</u>	
	Khu vực I	
*	Dọc theo Quốc lộ 27:	
1	Từ giáp xã Đạ K'Nàng đến giáp nhà bà Hương (giáp T 453, TĐĐ 11).	250
2	Từ nhà bà Hương (T 453, TĐĐ 11) đến giáp Hạt quản lý đường bộ (giáp T310, TĐĐ 11).	305
3	Từ Hạt quản lý đường bộ (T 310, TĐĐ 11) đến hết nhà ông Mích (hết T61, TĐĐ 07).	225
4	Từ giáp nhà ông Mích (giáp T 61, TĐĐ 07) đến hết đường vào nghĩa địa (hết T04, TĐĐ 07).	150
5	Từ giáp đường vào nghĩa địa (giáp T 04, TĐĐ 07) đến bảng báo giao thông đầu đèo chuối.	70
*	Các đường nằm trong khu trung tâm cụm xã.	240
	Khu vực II	
1	Từ nhà bà Cửu (T 373, TĐĐ 11) đến ngã ba Booplé, Păng Sim (hết T 133, TĐĐ 10).	150
2	Từ giáp ngã ba Booplé, Păng Sim (giáp T 133, TĐĐ 10) đến giáp Trường học (giáp T 125, TĐĐ 14).	80
3	Từ Trường học (T 125, TĐĐ 14) đến hết nhà ông K'Pôh (T 53, TĐĐ 14).	90

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	Từ giáp nhà ông K'Póh (giáp T 53, TBĐ 14) đến hết đường 135 đi Tây Sơn (hết T 106, TBĐ 09).	45
5	Từ giáp Trường học (giáp T 125, TBĐ 14) đến hết nhà ông K'Niêm (T185, TBĐ 14).	85
6	Từ giáp nhà ông K'Niêm (giáp T 185, TBĐ 14) đến hết nhà ông Phước (hết T 642, TBĐ 14).	45
7	Từ giáp ngã ba Booplé, Păng Sim (giáp T 133, TBĐ 10) đến cầu Păng Sim (hết T95, TBĐ 10).	100
8	Từ giáp cầu Păng Sim (giáp T 95, TBĐ 10) đến hết đường 135 thôn Păng Sim.	55
9	Từ nhà bà K'Ngai (T 486, TBĐ 10) đến hết nhà ông Viên (hết T 472, TBĐ 10).	60
10	Từ nhà bà Tươi (T 285, TBĐ 10) đến hết nhà ông Khoa (hết T 485, TBĐ 10: đường Cimiríp).	80
	Khu vực III	30
III	<u>XÃ LIÊNG SRÔN</u>	
	Khu vực I	
1	Từ chân đèo chuỗi (T 21, TBĐ94) đến hết nhà ông Huệ (hết T126, TBĐ57).	130
2	Từ giáp nhà ông Huệ (giáp T 126, TBĐ 57) đến hết nhà ông Truyện (hết T150, TBĐ 57).	135
3	Từ giáp nhà ông Truyện (giáp T 150, TBĐ 57) đến giáp nhà bà Liên (giáp T30, TBĐ 55).	105
4	Từ nhà bà Liên (T30, TBĐ55) đến hết nhà ông Kră (hết T73, TBĐ53).	140
5	Từ giáp nhà ông Kră (giáp T73, TBĐ53) đến hết cầu Đạ Linh.	180
6	Từ giáp cầu Đạ Linh đến giáp nhà bà Nhàng (giáp T19, TBĐ50).	130
7	Từ nhà bà Nhàng (T19, TBĐ50) đến hết nhà ông Thanh (hết T08, TBĐ49).	240
8	Từ giáp nhà ông Thanh (giáp T08, TBĐ49) đến giáp xã Đạ Rsal.	140
	Khu vực II	
1	Từ Trạm y tế (T 40, TBĐ 57) đến hết nhà ông Tuấn (hết T 18, TBĐ 61).	80
2	Từ nhà ông K'Nhàng (T 184, TBĐ 57) đến giáp nhà ông Mênh (giáp T 72, TBĐ 58).	50
3	Từ công UBND xã (giáp T 69, TBĐ 58) đến hết nhà ông K'Môk (hết T06, TBĐ 80).	45
4	Từ nhà ông Ly (T 20, TBĐ 61) đến hết nhà ông Ha Nhung (hết T 152, TBĐ 79).	60
5	Từ nhà ông Ha Kră (T 83, TBĐ 79) đến hết nhà bà K'Bang (hết T 465, TBĐ 80).	45

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6	Từ Trạm công an xã (T 68, TBĐ 53) đến hết cầu Đa Linh (hết T 02, TBĐ 87).	70
7	Từ công thôn 3 (T 68, TBĐ 50) đến hết nhà ông Ha Mâu (hết T 76, TBĐ 49).	75
8	Từ giáp nhà ông Dung (giáp T 42, TBĐ 49) đến hết nhà ông Ha Chàng (hết T 58, TBĐ 49).	75
9	Từ giáp công (nhà ông Đường) đi vào trụ sóng 400m.	100
10	Từ giáp công (nhà ông Đường) đi vào đường Đa Pe Cho 800m.	95
	Khu vực III	30
IV	<u>XÃ ĐA RSAL</u>	
	Khu vực I	
1	Từ giáp cầu Krông Nô đến hết công trường cấp II (hết T 629, TBĐ 11).	365
2	Từ giáp công trường cấp II (giáp T 629, TBĐ 11) đến hết nhà bà Tuyết (hết T 41, TBĐ 15).	290
3	Từ giáp nhà bà Tuyết (giáp T 41, TBĐ 15) đến ngã ba nhà ông Quy (hết T481, TBĐ 15).	240
4	Từ giáp ngã ba nhà ông Quy (giáp T 481, TBĐ 15) đến giáp ngã ba đường vào sông Đăk Măng (hết T 867, TBĐ 15).	202
5	Từ ngã ba đường vào sông Đăk Măng (giáp T 867, TBĐ 15) đến hết nhà bà Út (hết T 24, TBĐ 21).	165
6	Từ giáp nhà bà Út (giáp T 24, TBĐ 21) đến hết nhà ông Ninh (hết T 50, TBĐ 16).	95
7	Từ giáp nhà ông Ninh (giáp T 50, TBĐ 16) đến hết nhà ông Chín (hết T24, TBĐ 30).	90
8	Từ giáp nhà ông Chín (giáp T 24, TBĐ 30) đến hết cầu Đăk San.	95
9	Từ giáp cầu Đăk San đến hết nhà ông Y Chang (hết T 29, TBĐ 35).	90
10	Từ giáp nhà ông Y Chang (giáp T 29, TBĐ 35) đến hết nhà bà Hơ Thiêng (hết T31, TBĐ 40).	85
11	Từ giáp nhà bà Hơ Thiêng (giáp T31, TBĐ40) đến giáp xã Liêng Srônh.	95
12	Từ giáp Quốc lộ 27 (ngã ba Bru điện, giáp T 169, TBĐ 11) đến hết hội trường thôn (hết T 762, TBĐ 11).	210
13	Từ giáp Quốc lộ 27 (giáp nhà ông Hay, giáp T 867, TBĐ 15) đến ngã ba nhà ông Thanh (hết T 45, TBĐ 20).	160
	Khu vực II	
1	Từ giáp hội trường thôn (giáp T 762, TBĐ 11) đến hết nhà ông Y Bông (hết T21, TBĐ 11).	140
2	Từ giáp nhà ông Thiên (giáp T 48, TBĐ 11) đến hết nhà ông Thân (hết T92, TBĐ 11).	140

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	Từ nhà ông Yên (T170, TBĐ11) đến hết nhà ông Hoa (hết T94, TBĐ11).	120
4	Từ giáp nhà ông Hoa (giáp T 94, TBĐ 11) đến hết nhà ông Cường (hết T61, TBĐ 10).	90
5	Từ giáp nhà ông Cường (giáp T 61, TBĐ 10) đến hết nhà ông Par (hết T07, TBĐ 02).	70
6	Từ giáp Quốc Lộ 27 (ngã ba nhà ông Tâm, T 565, TBĐ 11) đến hết nhà ông Cường (hết T 556, TBĐ 11).	100
7	Từ giáp ngã ba nhà ông Thanh (giáp T 45, TBĐ 20) đến hết nhà ông Thọ (hết T113, TBĐ 20).	75
8	Từ giáp ngã ba nhà ông Thanh (giáp T 45, TBĐ 20) đến giáp sông.	75
9	Từ giáp trạm Công an (giáp T 503, TBĐ 11) đến hết trạm điện (hết T 634, TBĐ 11).	110
10	Từ giáp nhà bà Tuyết (giáp T 41, TBĐ 15) đến hết nhà ông Thế (hết T170, TBĐ 15).	55
11	Từ nhà ông Cường (T 1525, TBĐ 15) đến hết nhà ông Các (hết T 99, TBĐ 14).	55
12	Từ giáp nhà ông Kha (giáp T 480, TBĐ 15) đến hết nhà ông Khoa (hết T293, TBĐ 15).	70
13	Từ giáp nhà ông Quy (giáp T 481, TBĐ 15) đến hết nhà ông Mùi (hết T633, TBĐ 15).	55
14	Từ nhà ông Phê (T 701, TBĐ 15) đến hết nhà ông Vụ (hết T 450, TBĐ 15).	70
15	Từ giáp nhà ông Hiệu (giáp T 888, TBĐ 15) đến hết nhà ông Liêm (hết T1072, TBĐ 15).	55
	Khu vực III	35
V	<u>XÃ RÔ MEN</u>	
	Khu vực I	
*	Khu vực Bằng Lăng:	
1	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 đi vào đường quy hoạch nội bộ Thị trấn Bằng Lăng (đến hết Trung tâm y tế).	195
2	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 đi theo đường chính khu tái định cư Tây Nam đến giáp trụ sở Trung tâm QL&KTCTCC.	205
3	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 đi theo đường vào Huyện đội đến giáp trụ sở Ngân hàng chính sách.	180
4	Từ giáp bùng binh ngã 6 dọc theo trục đường lên UBND huyện và hết trụ sở Công an huyện.	195
*	Độc theo Tỉnh lộ 722:	
1	Từ giáp Quốc lộ 27 (ngã ba Bằng Lăng) đến giáp ngã ba đường vào trạm phát sóng.	235

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
2	Từ ngã ba đường vào trạm phát sóng đến hết ngã ba đường vào Huyện đội.	285
3	Từ giáp ngã ba đường vào Huyện đội đến giáp đường 135 (giáp đường sản xuất Dạ Tồn).	195
4	Từ đường 135 (đường sản xuất Dạ Tồn) đến hết ngã ba đường vào bản Brông rết (hết T 02, TBĐ 22).	155
5	Từ giáp ngã ba đường vào bản Brông rết (giáp T 02, TBĐ 22) đến giáp cầu số 3.	55
6	Từ cầu số 3 đến giáp đường vào Trường cấp I, II.	75
7	Từ đường vào Trường cấp I, II đến hết ngã ba đường vào thôn 3.	90
8	Từ giáp ngã ba đường vào thôn 3 đến hết nhà ông Lợi (hết T 56, TBĐ 26).	75
9	Từ giáp nhà ông Lợi (giáp T 56, TBĐ 26) đến giáp cầu số 6.	60
10	Từ cầu số 6 đến giáp xã Dạ M' Rông.	55
	Khu vực II	
1	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 vào đường Sóc Sơn 01 km.	80
2	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 vào bản Brông rết đến hết nhà ông Y Tang (hết T107, TBĐ 23).	60
3	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 đi vào xóm Rừng sao thôn 2 (02 km).	55
4	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 vào thôn 3 đến hết nhà ông Ha Chang (hết T80, TBĐ 35).	50
5	Từ nhà ông Ha Sơn (T 116, TBĐ 35) đến hết nhà ông K'Duyên (hết T136, TBĐ 35).	45
6	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 (Trạm y tế) vào hết nhà ông Dững (hết T 393, TBĐ 48).	50
7	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 (đường liên thôn 2-4) đến giáp ngã ba Trạm y tế.	45
8	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 (đường vào thôn 5) đến hết nhà ông Seo Diêu (hết T68, TBĐ 41).	45
9	Từ nhà ông Seo Danh (T 32, TBĐ 41) đến hết nhà ông Seo Phán (hết T 36, TBĐ 40).	45
10	Từ nhà ông Seo Lông (T 128, TBĐ 40) đến hết nhà ông Seo Chứ (hết T60, TBĐ 40).	45
	Khu vực III	30
VI	<u>XÃ ĐẠ M' RÔNG</u>	
	Khu vực I	
1	Từ giáp xã Rô Men đến giáp cầu số 7.	45
2	Từ cầu số 7 đến giáp ngã ba đường vào trường cấp II Dạ M' Rông (giáp T406, TBĐ 11).	50

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	Từ ngã ba đường vào trường cấp II Đạ M'Rông (T 406, TBĐ 11) đến cầu Đa Ra Hố.	95
4	Từ giáp ngã tư đường Tỉnh lộ 722 – Đạ M'Rông đến hết nhà ông Biên (hết T1002, TBĐ 06).	95
5	Từ nhà ông Xuyên (T 378, TBĐ 03) đến giáp sông K'Rông Nô.	85
6	Từ giáp đường Tỉnh lộ 722 (đầu cầu số 7) theo tuyến đường qua xã Đạ Rsal.	40
	Khu vực II	
1	Từ giáp nhà ông Biên (giáp T 1002, TBĐ 06) đến giáp nhà ông Xuyên (giáp T378, TBĐ 03).	40
2	Từ giáp nhà ông Xuyên (giáp T 378, TBĐ 03) đến giáp đường Tỉnh lộ 722.	40
3	Từ nhà ông Noen (T 58, TBĐ 11) đến hết nhà ông Đông (hết T 533, TBĐ 06).	80
	Khu vực III	25
VII	<u>XÃ ĐẠ TÔNG</u>	
	Khu vực I	
1	Từ cầu Đa Ra Hố đến hết ngã ba đường vào thôn Đạ Ninh (hết T 292, TBĐ 13).	135
2	Từ giáp ngã ba đường vào thôn Đạ Ninh (giáp T 292, TBĐ 13) đến hết ngã ba đường vào thôn Đạ Kao (hết T 243, TBĐ 15).	180
3	Từ giáp ngã ba đường vào thôn Đạ Kao (giáp T 243, TBĐ 15) đến cầu Đạ Long.	90
4	Từ ngã tư (T 362, TBĐ 14) đi qua trường cấp II, III đến hết nhà ông Jong (hết T276, TBĐ 15).	80
	Khu vực II	
1	Từ ngã ba đường vào thôn Đạ Ninh (T 293, TBĐ 13) vào hết trường cấp I Đạ Ninh (hết T 111, TBĐ 13).	35
2	Từ giáp UBND xã (giáp T 311, TBĐ 14) đến hết nhà bà K'Long (hết T374, TBĐ 15).	60
3	Từ giáp nhà ông Kham (thôn Liêng Trang I, giáp T 299, TBĐ 15) đến hết nhà ông Ha Bang (thôn Đạ Kao II, hết T 969, TBĐ 02).	40
4	Từ ngã ba Trường học cấp III (giáp T 51, TBĐ 06) đến hết nhà bà K'Glong (hết T271, TBĐ 05).	40
5	Từ đoạn đi Đạ Kao 1 (giáp T 17, TBĐ 03) đến hết nhà ông Ha Ang (hết T447, TBĐ 07).	35
6	Từ nhà ông Ha Chương (T 84, TBĐ 05) đến sân vận động thôn Đạ Kao (T209, TBĐ 05).	40

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
7	Từ nhà ông Ha Bang (T 88, TBĐ 14) đến hết nhà ông Ha Dol (hết T 151, TBĐ 15).	30
	Khu vực III	25
VIII	<u>XÃ ĐÀ LONG</u>	
	Khu vực I	
1	Từ cầu Đa Long đến hết nhà ông Ha Joen (hết T 208, TBĐ 05).	70
2	Từ giáp nhà ông Ha Joen (giáp T 208, TBĐ 05) đến hết nhà ông Ha Sếp (hết T248, TBĐ 05).	65
	Khu vực II	
1	Từ Trường Tiểu học Đa Long (T 370, TBĐ 05) đến hết cầu Đa Yar.	50
2	Từ giáp cầu Đa Yar đến hết nhà ông Ha Phương (hết T 01, TBĐ 15).	35
3	Từ nhà ông Ha Huyền (T 241, TBĐ 05) đến Tiểu khu 72 (hết T 50, TBĐ 09).	40
4	Từ trường cấp II Đa Long (giáp T 228, TBĐ 04) đến hết nhà ông SoLy (hết T1344, TBĐ 06).	50
5	Từ giáp nhà ông SoLy (giáp T 1344, TBĐ 06) đến giáp trạm Lâm nghiệp (giáp T136, TBĐ 05).	40
6	Từ giáp nhà ông Ha Joen (giáp T 208, TBĐ 05) đến hết nhà ông Ha Ang (hết T16, TBĐ 09).	40
7	Từ nhà ông Ha Tang (T 04, TBĐ 08) đến hết T 100, TBĐ 08.	35
	Khu vực III	25

Ghi chú: Các ký hiệu viết tắt: T (thửa); TBĐ (tờ bản đồ)

- **Khu vực I:** đất có mặt tiền tiếp giáp với trục đường giao thông chính nằm tại trung tâm xã hoặc cụm xã (gần UBND xã, trường học, chợ, trạm y tế); gần khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất; hoặc không nằm tại khu vực trung tâm xã nhưng gần đầu mối giao thông hoặc gần chợ nông thôn.

- **Khu vực II:** đất nằm ven các trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.

- **Khu vực III:** các khu vực còn lại.

III. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (không phải là đất ở):

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
----------	----------------------------	---------

Giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được xác định theo từng mục đích sử dụng với thời gian sử dụng đất có thời hạn là 50 năm, được tính bằng tỷ lệ % so với giá đất ở và phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

- Không được thấp hơn giá đất nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực trong Bảng giá đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và công bố.

- Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, không được thấp hơn mức giá tối thiểu, không cao hơn mức giá tối đa quy định trong khung giá tại Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Riêng trong các trường hợp xác định lại giá đất cho phù hợp với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường được quy định tại Điều 11 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ, thì không bị giới hạn bởi các quy định về khung giá tại Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

- Khi xác định giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở), không áp dụng những quy định về Hệ số địa hình và Tỷ lệ điều chỉnh giá đất theo chiều sâu của thửa đất (lô đất).

DiaOcOnline.vn

DiaoCOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaoCOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaoCOnline.vn

DiaOcOnline.vn